

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ
TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **BỆNH VIỆN MẮT-TMH-RHM AN GIANG**
2. Địa chỉ: 12B Lê Lợi, Phường Mỹ Bình, Thành Phố Long Xuyên, An Giang.
3. Thời gian hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 24 giờ/ngày, 07 ngày/tuần.
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
1	Mã Lan Thanh	001122/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Giám đốc - Chuyên khoa nội
2	Trần Tuấn Huy	000034/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Phó Giám đốc - Chuyên khoa mắt
3	Trần Thị Lài	000029/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa RHM	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Phó Giám đốc - Chuyên khoa RHM
4	Dương Tòng Chính	000035/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Trưởng phòng KHTH - Chuyên khoa mắt
5	Nguyễn Quang Triết	2273/AG-CCHND	Bán lẻ thuốc (quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g	Dược sĩ – Phòng KHTH

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
			được liệu, thuốc cổ truyền)	Trực theo lịch	
6	Nguyễn Lâm Anh Thu	07771/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên KHTH – Chuyên khoa RHM
7	Trần Thị Hạnh	002605/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên KHTH
8	Tạ Thị Diễm Loan	0004640/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên KHTH
9	Đoàn Văn Tiến	08030/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Trưởng phòng điều dưỡng
10	Trần Bé Thi	003428/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Phó trưởng phòng điều dưỡng
11	Trần Văn Giồng	001445/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên phòng điều dưỡng
12	Hà Ngô Nhứt Tánh	001093/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên phòng điều dưỡng

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
13	Lê Thị Xuân Diễm	000574/AG-CCHN	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/QĐ-BNV	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên phòng điều dưỡng
14	Lê Thị Hải Yến	001155/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên phòng điều dưỡng
15	Nguyễn Thụy Anh Đào	0004641/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên phòng điều dưỡng
16	Lê Thị Kim Trúc	001091/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của bộ nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên phòng điều dưỡng
17	Trần Thanh Bình	001376/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Trưởng khoa mắt – Chuyên khoa mắt
18	Huỳnh Nền Mơ	0005457/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa mắt
19	Nguyễn Thị Thu Hường	001079/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa mắt
20	Nguyễn Sơn Thái	002106/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g	Bác sỹ chuyên khoa mắt

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
				Trực theo lịch	
21	Nguyễn Viết Bình	0005015/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa mắt
22	Lê Hồ Bảo Trân	07774/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa mắt
23	Nguyễn Thị Ngọc Thêu	08138/AG-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng khoa mắt
24	Đặng Thành Trí	008948/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
25	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	008891/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
26	Phạm Thanh Trung	001132/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
27	Nguyễn Thị Hồng Vân	001207/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g	Điều dưỡng khoa mắt

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
			BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Trực theo lịch	
28	Lê Mai Thi	001095/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
29	Nguyễn Thị Thu Hoài	008892/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
30	Tôn Thanh Thoại	001997/AG-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
31	Võ Ngọc Thiên	000217/AG-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
32	Huyền Đức Toàn	0004582/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
33	Nguyễn Thanh Hiền	0722/AG-CCHND	Quầy thuốc; Bán lẻ thuốc thành phẩm đông y, thuốc từ dược liệu.	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Dược sĩ khoa mắt
34	Trần Thị Như Nguyệt	0004789/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động	Thứ 2 – 6:	Điều dưỡng khoa mắt

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
			chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	
35	Cao Thùy Trang	0004650/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
36	Ngô Thị Huỳnh Giao	0005321/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
37	Võ Huy Hoàng	0004575/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
38	Hồ Minh Lợi	0006446/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
39	Huỳnh Quang Tuấn	07720/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa mắt
40	Thái Đức Lộc	002636/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh, chuyên khoa TMH, Gây mê hồi sức	Thứ 2 – 6: 7g -11g,	Trưởng khoa TMH – Chuyên khoa TMH và gây

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
				13g – 17g Trực theo lịch	mê hồi sức
41	Bùi Văn Chánh	000499/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa TMH
42	Hồ Mộng Hùng	001059/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Tai-mũi-họng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa TMH
43	Nguyễn Tuấn Đoài	002169/AG-CCHN	Gây mê hồi sức (ghi theo CCHN) / Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tai mũi họng theo quy định tại QĐ số 3939/QĐ-SYT ngày 01/12/2014	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ Chuyên khoa Gây mê hồi sức và TMH
44	Trần Hồng Như	0005645/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh tai mũi họng (CCHN)/ Gây mê hồi sức theo quy định tại QĐ 1344/QĐ-SYT ngày 12/03/2019	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa TMH và Gây mê hồi sức
45	Phạm Quang Sơn	07716/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Tai mũi họng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa TMH
46	Bảng Trung Lập	0005734/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Tai mũi họng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa TMH
47	Huỳnh Trọng Nguyễn	08031/AG-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV Ngày 7/10/2015 qui định mã	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g	Điều dưỡng khoa TMH

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
			số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Trực theo lịch	
48	Đỗ Thị Cẩm Lai	002024/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa TMH
49	Nguyễn Thị Bạch Lê	002025/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa TMH
50	Lê Thị Hồng Mỹ	001049/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa TMH
51	Đoàn Vĩnh Phú	002049/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa TMH
52	Nguyễn Thị Hồng Nhung	0004313/AG-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Gây mê hồi sức	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Kỹ thuật viện gây mê khoa TMH
53	Nguyễn Văn Cường	009330/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Kỹ thuật viện gây mê khoa TMH
54	Trần Văn Nghiệp	002572/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa TMH

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
55	Nguyễn Đình Đông	0004621/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa TMH
56	Lê Thị Hà	0004787/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa TMH
57	Vương Thị Tuyền	008951/AG-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV Ngày 7/10/2015 qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa TMH
58	Trần Thị Kim Cương	009008/AG-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV Ngày 7/10/2015 qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa TMH
59	Nguyễn Thị Trúc Đào	006797/AG-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV Ngày 7/10/2015 qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa TMH
60	Phan Thị Trường Xuân	001378/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Trưởng Khoa RHM – Chuyên khoa RHM
61	Phạm Thị Anh Thư	000031/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Phó trưởng Khoa RHM – Chuyên khoa RHM

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
62	Cao Nguyễn Phương	000821/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa RHM
63	Lê Ngọc Tường Vân	000030/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa RHM
64	Phạm Văn Lộc	000032/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa RHM
65	Trần Thị Thuỷ Trâm	001193/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa RHM
66	Nguyễn Tuyết Minh	0004468/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa RHM
67	Lê Nhựt Tiến	0005700/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ chuyên khoa RHM
68	Quang Nguyễn Thanh Bình	001975/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa RHM
69	Huỳnh Thị Kim Thoa	009010/AG-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV Ngày 7/10/2015 qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa RHM

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
			ng nghiệp điều dưỡng		
70	Nguyễn Thị Thuỳ Vân	001092/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa RHM
71	Nguyễn Thái Lan Phương	0004470/AG-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về phục hình răng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	KTV khoa RHM
72	Phan Thị Khải Yến	003136/AG-CCHN	Chăm sóc người bệnh theo chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa RHM
73	Nguyễn Thị Huỳnh Mai	0004574/AG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa RHM
74	Huỳnh Phi Đăng	0006073/AG-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV Ngày 7/10/2015 qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa RHM
75	Nguyễn Thị Kiều Oanh	006798/AG-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV Ngày 7/10/2015 qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Điều dưỡng khoa RHM
76	Lê Thị Nga	008949/AG-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV Ngày 7/10/2015 qui định mã	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g	Điều dưỡng khoa RHM

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
			số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Trực theo lịch	
77	Lý Thị Xinh	000498/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH (CCHN)/ Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh theo Quyết định số 874/QĐ-SYT ngày 22/7/2022	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Quản lý khoa XN-CDHA – Chuyên khoa TMH/Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh
78	Giang Thị Tuyết Vân	000152/AG-CCHN	Xét nghiệm (theo CCHN)/ Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh theo Quyết định số 1751/QĐ-SYT ngày 27/5/2014	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Bác sỹ khoa XN-CDHA
79	Dương Hoàng Giang	001340/AG-CCHN	Thực hiện Kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	KTV khoa XN-CDHA
80	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	001256/AG-CCHN	Thực hiện Kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	KTV khoa XN-CDHA
81	Nguyễn Thanh Nhân	08034/AG-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV Ngày 7/10/2015 qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	KTV khoa XN-CDHA
82	Lữ Thanh Thúy	008544/AG – CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	KTV khoa XN-CDHA
83	Võ Tấn Đạt	006540/AG-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g	KTV khoa XN-CDHA

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
				Trực theo lịch	
84	Đào Châu Khanh	1567/AG-CCHND	Nhà thuốc	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Trưởng khoa dược
85	Phan Thanh Bình	1555/AG-CCHND	Nhà thuốc, Doanh nghiệp bán buôn thuốc; sản xuất, buôn bán dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Bán lẻ thuốc thành phẩm đông y, thuốc từ dược liệu.	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Phó Trưởng Khoa dược
86	Tôn Minh Nguyệt	001888/CCHN-D-SYT-AG	Bán lẻ thuốc (nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã)	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Dược sĩ khoa Dược
87	Đặng Minh Quý	000396/CCHN-D-SYT-AG	Bán lẻ thuốc (quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Dược sĩ khoa Dược
88	Trương Thị Trinh	001975/CCHN-D-SYT-AG	Bán lẻ thuốc (nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã)	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Dược sĩ khoa Dược
89	Nguyễn Thị Phương Dung	000256/CCHN-D-SYT-AG	Bán lẻ thuốc (quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Dược sĩ khoa Dược
90	Nguyễn Thị Thu Hường	001083/CCHN-D-SYT-AG	Bán lẻ thuốc (quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Dược sĩ khoa Dược

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
91	Lý Thị Khoa	1395/AG-CCHND	Quầy thuốc, bán lẻ thuốc thành phẩm đông y, thuốc từ dược liệu; Buôn bán dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu.	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Dược sĩ khoa Dược

Tổng cộng: 91 người./.

An Giang, ngày 05 tháng 01 năm 2023
 Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật
 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh



Mã Lan Thanh